

CỬU LONG CẠN DÒNG BIỂN ĐÔNG DẬY SÓNG

Dữ Kịch Tiểu Thuyết của Ngô Thế Vinh

Chương I

Zajiadujiawangzha Đi Ra Từ Nguồn Nước Thiên

Everybody Lives Downstream
(World Water Day 03.22.99)

Vẫn với mỗi quan tâm bấy lâu về con sông Mekong, không chỉ thuần khía cạnh môi sinh mà cả tính nhân văn của cư dân sống hai bên bờ con sông ấy, Cao đã quyết định mở một “hồ sơ Tây Tạng” cho riêng anh. Có lẽ vì phong cách làm việc ấy cộng thêm với mấy bài viết rất giá trị xuất hiện gần đây của Cao một ngòi bút không chuyên, khiến ông Khắc một ký giả lão thành đã đi tới nhận định lẽ ra Cao phải là một nhà báo thay vì kỹ sư môi sinh.

Khoảng ba trăm triệu năm trước, Tây Tạng còn nằm dưới đáy biển Tethys nguyên là một đại dương mênh mông bao trùm cả diện tích Châu Á và Ấn Độ, Địa Trung Hải là phần còn sót lại của biển Tethys ngày trước. Khoảng một trăm triệu năm trước lúc đó thì chưa có khối đất Ấn Độ tách rời ra khỏi tiền lục địa Gondwanaland. Do hành trình va chạm dữ dội của hai khối tiền lục địa Gondwanaland và Laurasia tạo nên cơn địa chấn với sức ép khổng lồ từ khối đất Ấn Độ dồn lên phía bắc tạo thành một địa hình mới nổi bật là sự hình thành dãy Hy Mã Lạp Sơn và cả vùng cao nguyên Trung Á. Xứ tuyết Tây Tạng là vùng đất cao từ 3500 tới 5000m được mệnh danh là “nóc của trái đất”, diện tích hơn một triệu km² gần bằng Tây Âu nhưng cô lập với thế giới bên ngoài bởi ba bề núi non hiểm trở: Phía Nam bao bọc bởi dãy Hy Mã Lạp Sơn, phía Tây bởi rặng Karakoram và phía Bắc là các rặng Kunlun và Tangla. Riêng phía Đông cũng bị cắt khoãng bởi các dãy núi không cao và lũng sâu nhưng thoải dần xuống tới biên giới Trung Hoa giáp hai Tỉnh Tứ Xuyên và Vân Nam.

Các con sông lớn như mạch sống cho toàn vùng Châu Á đều bắt nguồn từ cao nguyên Tây Tạng. Phía Tây, gần rặng núi Kailash là hai con sông Indus và Sutleji chảy về hướng Tây Nam và giao thoa với ba con sông khác để hình thành bình nguyên Punjab giữa hai nước Ấn và Hồi. Phía Nam là con sông Tsangpo hay “nguồn tinh khiết” với ghềnh thác ngoạn mục xuyên qua dãy Hy Mã Lạp Sơn trước khi đổ vào Vịnh Bengal. Phía Đông là khởi nguồn của các con sông lớn khác: Hai con sông Irrawaddy và Salween chảy xuống Miến Điện ở phía Nam, con sông Dương Tử dài nhất Châu Á với hơn 6500km chảy về hướng đông theo suốt chiều ngang lãnh thổ Trung Hoa tới Thượng Hải, còn sông Hoàng thì chảy về hướng Bắc rồi sang Đông tới tận Thiên Tân (Tianjin), cả hai cùng đổ ra biển Trung Hoa.



Riêng con sông Mekong hay Dza-Chu “nguồn nước của đá” thì chảy dài hơn 4000km về hướng Nam băng qua những hẻm núi sâu và hoang dã của Tỉnh Vân Nam với tên Trung Hoa là Lancang Jiang (Lan Thương giang) “con sông xanh cuộn sóng”, qua biên giới Lào Thái mang một tên khác Mae Nam Khong “con sông mẹ”, xuống Cam Bốt lại mang một tên khác nữa Tonle Thom “con sông lớn” cuối cùng đổ qua Việt Nam mang tên Cửu Long “chín con rồng” với hai nhánh chính là Sông Tiền và Sông Hậu đổ ra Biển Đông bằng chín cửa sông thấm đở phù sa.

Phía Tây Bắc Tây Tạng là vùng đất hoang đông giá gần như không người no-man’s-land trải dài hơn 1200km từ Tây sang Đông. Phía Nam là vùng núi non với thảo nguyên, nơi sống của dân du mục với các đàn cừu dê và những con bò Yaks. Bò Yaks đúng là một giống vật kỳ lạ khiến Đức Đạt Lai Lạt Ma phải gọi là “một giống vật trời cho người dân Tây Tạng”, không những to khỏe với bộ lông

dài sống trên cao độ 3000m, có thể chở tải đồ nặng và là nguồn thịt của người dân Tây Tạng, riêng giống bò cái tên Dri thì cho rất nhiều sữa. Nếp sống của họ vẫn vậy như từ hai ngàn năm trước.

Phía Đông là Tỉnh Kham và Đông-Bắc là Amdo (quê hương của Đức Đạt Lai Lạt Ma Thứ XIV) là vùng trù phú và đông dân nhất. Thứ đến là những vùng đất phía Nam nơi khí hậu bớt gay gắt, nơi có con sông Tsangpo như một mạch sống với phong phú những phụ lưu. Người nông dân Tây Tạng chủ yếu trồng lúa mạch, khoai tây là hoa màu phụ. Khí hậu thay đổi bất thường như mưa đá, đông giá hay hạn hán nên mùa màng luôn luôn bị hư hại. Nguồn thực phẩm ổn định hơn là nuôi gia súc ngoài bò Yaks còn có trư, dê và gà để lấy trứng. Tsampa bột lúa mạch sấy là món ăn thường nhật của người Tây Tạng cũng như gạo đối với người dân vùng Đồng Bằng Sông Cửu Long. Theo thống kê của Trung Hoa (1982) có 3.87 triệu người Tây Tạng "sống trong nước Cộng hòa Nhân dân Trung Quốc". Tây Tạng là hình ảnh mênh mông của thảo nguyên với núi cao và lũng sâu, bầu trời thường thì trong xanh như ngọc. Những người dân Tây Tạng thì đơn sơ và hiếu khách nhưng họ là một dân tộc đang phải sống trong nô lệ và chịu nỗi khổ đau vô hạn.

Đạo Phật du nhập vào Tây Tạng 12 Thế Kỷ sau khi Phật Thích Ca nhập niết bàn, khoảng Thế Kỷ thứ 7 sau Công nguyên. Khí Tông Cương Tán (Songtsen Gampo) một tù trưởng tài ba đã thống nhất được các bộ lạc rất hiếu chiến trên vùng băng tuyết tới chân Hy Mã Lạp Sơn, cưới Công Chúa Nepal xứ sở của Phật Giáo làm Hoàng Hậu và chính nàng Công Chúa này đã du nhập Đạo Phật vào Tây Tạng. Cũng vị Vua Tây Tạng này đã đem quân sang đốt phá Thành Lạc Dương khiến Vua Trung Hoa đòi Nhà Đường phải nghị hòa và gả Công Chúa cho Khí Tông Cương Tán, nàng Công Chúa dòng Hán này cũng đem Đạo Phật vào Tây Tạng. Đạo Phật từ đó đã phát triển rất mạnh trên vùng đất mới hòa nhập với tín ngưỡng Bon đa thần để biến thể thành một thứ Đạo Phật cao siêu và thần bí. Nguyên là dân du mục thuộc những bộ lạc rất hiếu chiến, người dân Tây Tạng dần dà thấm nhuần tư tưởng từ bi của Đạo Phật qua nhiều Thế Kỷ họ trở nên hiếu hòa hơn trong giao tiếp với lân bang.

Tới Thế Kỷ 14 một vị chân tu tên Tống Cáp Ba (Tsongkhapa) sáng lập nên phái Hoàng Mão Hoàng Y của Phật Giáo chính thống Tây Tạng. Người thừa kế sau khi ông mất cũng là một vị chân tu tên Gendun Drup được toàn thể giới tăng lữ suy tôn làm Đại Lạt Ma (Lama là một từ Tây Tạng có nghĩa là ông thầy), ông có công phát huy đạo Phật đồng thời cũng xây dựng được một nền hành chánh kết hợp với giáo quyền trị vì quốc gia Tây Tạng. Vị đại sư mưu trí này đã đặt ra quy luật tái sinh của Đại Lạt Ma theo đó khi chết linh hồn vị Đại Lạt Ma sẽ nhập vào một trẻ sơ sinh như hiện thân của Bồ Tát Quán Thế Âm (Bodhisatva Avalokitesara). Bốn phận của toàn thể tín đồ là phải tìm cho ra đứa trẻ đó, nuôi dạy theo giáo lý để sau này tiếp tục điều khiển quốc gia Tây Tạng.

Cũng chính vị Đại Lạt Ma này đặt thêm ra chức vị Ban Thiên Lạt Ma (Panchen Lama) mà người Trung Hoa gọi là Phó Hoạt Phật như hiện thân của Phật A Di Đà đặc trách tế lễ. Tới Thế Kỷ 16, do bị các giáo phái khác chống đối dẫn tới sự can thiệp của quân Mông Cổ, sau đó thì chính Đại Hãn Mông Cổ là Altan Khan cảm phục kiến thức cao sâu của vị đại sư nên cũng xin quy y, đồng thời phong tước cho vị Đại Lạt Ma là Đạt Lai Đạt Ma (Dalai là từ Mông Cổ có nghĩa biển cả, bao hàm kiến thức mênh mông). Tiếp sau đó là thời kỳ cực thịnh của Phật Giáo Tây Tạng ghi dấu bằng công trình xây cất Lâu Đài Mùa Đông (Cung Điện Potala) 1000 phòng của các Đạt Lai Lạt Ma, được coi như một kỳ quan kiến trúc của thế giới. Nhưng Ngôi Chùa Jokhang mới chính là di tích cổ kính nhất, được xây dưới triều Vua Khí Tông Cương Tán, nơi chứa tượng Phật do Công Chúa Nepal thỉnh về kỳ quan của Chùa là tấm bia đá trước Chùa như di tích lịch sử về một quá khứ hùng mạnh của quốc gia Tây Tạng, đã từng gây khốn đốn cho Vua Trung Hoa đòi Nhà Đường.

Trên tấm bia là bản hiệp ước được phê chuẩn bởi Đại Hoàng Đế Tây Tạng và Đại Hoàng Đế Trung Hoa vào năm 821-822 khắc bằng hai thứ tiếng Tây Tạng và Trung Hoa với nội dung *'thỏa thuận cùng nhau về sự liên minh giữ hai quốc gia... tìm cách ngăn ngừa những nguyên nhân gây tàn hạ cho hai xứ sở bây giờ và mai sau... đó mang lại hòa bình lâu dài cho thấy dân hai xứ Thỏa ước được khắc trên bia này để cho các thế hệ tương lai được biết tới'*[sic]

Giữa thời kỳ hưng thịnh của quốc gia Tây Tạng (618-907) thì Việt Nam lại đang phải sống trong tối tăm nhục nhã dưới ách thống trị của người Tàu với các tên An Nam Đô Hộ Phủ. Nhưng rồi cũng không tránh được lẽ thịnh suy, những Thế Kỷ sau đó Tây Tạng bị Trung Hoa xâm lấn, Thủ Đô Lhasa thường xuyên bị chiếm đóng. Đầu đầu Thế Kỷ 20 khi triều đình Mãn Thanh bị cuộc Cách Mạng Tân Hợi lật đổ, nhân dân Tây Tạng đã vùng

lên đuổi hết quân xâm lăng và tuyên bố độc lập nhưng đã gặp phải sự thờ ơ đến tàn nhẫn của cả thế giới. Trung Hoa cho dù dưới thể chế chánh trị nào vẫn xem Tây Tạng như phần lãnh thổ của mình.

Năm 1933 khi Đức Đạt Lai Lạt Ma 13 viên tịch, tương truyền rằng người ta thấy mặt ngài thay vì xoay về hướng Nam thì lại ngoảnh sang hướng Đông-Bắc. Kết hợp với một số điềm báo triệt khác, các vị trong Hội Đồng Giáo Phẩm đã tới được ngôi làng Takster thuộc Tỉnh Amdo miền Đông-Bắc Tây Tạng và họ đã tìm ra đứa trẻ hai tuổi tên Lhamo Thondup nguyên là con thứ tư trong một gia đình nông dân nghèo khó sau một chuỗi những trắc nghiệm thử thách, cậu bé được công nhận là hiện thân của Đức Đạt Lai Lạt Ma Thứ 14 với tên hiệu Tenzin Gyatso. Amdo lúc đó đang thuộc quyền kiểm soát của Trung Hoa nên phải trả qua hai năm thương thuyết khó khăn, cậu bé Tenzin Gyatso và đoàn tùy tùng mới được rời Amdo để lên Thủ Đô Lhasa và đợi đưa vào Cung Điện Mùa Hè Norbulingka rồi Cung Điện Mùa Đông Potala để được nuôi dưỡng và giáo dục đúng theo giáo lý bởi những vị Cao Tăng uyên bác. Trong thời gian đó, một Quan Nhiếp Chính được chỉ định để lo việc nước.

Tình hình trở nên tệ hại khi Tưởng Giới Thạch bị thua phải chạy ra Đảo Đài Loan, Hồng Quân chiếm trọn Hoa Lục đồng thời cũng xua quân vào cưỡng chiếm Tây Tạng với chiêu bài "giải phóng nhân dân Tây Tạng đang bị giai cấp phong kiến áp bức". Cho dù có sự đồng thuận của dân Tây Tạng hay không thì cũng đã có ngay từng đợt hàng chục ngàn binh lính Trung Cộng tiến vào Tây Tạng, kéo theo sau là gia đình của họ. Khác xa với hứa hẹn ban đầu bảo đảm tự do tín ngưỡng và phong tục tập quán của dân Tây Tạng, họ mở ngay chiến dịch chống tôn giáo, đồng thời thi hành "chánh sách tâm thực" không ngừng di dân gốc Hán vào đất nước Tây Tạng.

Năm 1950, do nhu cầu cấp bách của thời cuộc, ở cái tuổi mới 16, Tenzin Gyatso đã phải rất sớm đứng ra đảm đương mọi trách nhiệm chánh trị điều hành quốc gia Tây Tạng. Năm 1954, Gyatso bị đưa sang Trung Quốc gặp Mao Trạch Đông trong ý muốn thuyết phục vị Lạt Ma trẻ tuổi ấy chấp nhận một xứ sở Tây Tạng sát nhập vào trật tự nước Trung Hoa. Trước nguy cơ diệt vong, năm 1959 nhân dân Tây Tạng lại nhất loạt nổi dậy, kéo quân về Kinh Đô Lhasa nhưng đã bị Hồng Quân trấn áp và tàn sát không thương tiếc. Trong cuốn tự truyện Tự Do Trong Lưu Đày-Freedom in Exile, Tenzin Gyatso viết:

"Trong gần một thập niên, ở cương vị người lãnh đạo chánh trị và tôn giáo cho dân tộc, tôi đã cố gắng tái tạo mối liên hệ hòa bình giữa hai quốc gia Tây Tạng và Trung Hoa, nhưng trách vụ không thể hoàn thành. Tôi đi tới kết luận là tôi sẽ phục vụ dân tộc tôi được nhiều hơn nếu tôi sống ở nước ngoài".

Đức Đạt Lai Lạt Ma Thứ 14 đã dẫn hơn một trăm ngàn dân Tây Tạng vượt biên giới thoát sang Ấn Độ. Bất chấp sự chống đối và cả hăm dọa của Bắc Kinh, chánh phủ Ấn vẫn giúp định cư số người Tây Tạng lưu vong này trong Thị Trấn Dharmasala dưới chân rặng Hy Mã Lạp Sơn. Một chánh phủ lưu vong Kashag được hình thành như niềm hy vọng sống còn đối với người dân Tây Tạng trong nước. Phía Trung Hoa bất kể nguyện vọng dân Tây Tạng ra sao, họ vẫn sát nhập quốc gia này vào "Nước mẹ vĩ đại Cộng Hòa Nhân Dân Trung Hoa". Tháng 9 năm 1965, Bắc Kinh tuyên bố lập "Vùng tự trị Tây Tạng-Tibetan Autonomous Region" trực thuộc nước Trung Hoa. Và giai đoạn thảm khốc nhất đã diễn ra trong suốt thập niên sau đó khi có cuộc Cách Mạng Văn Hóa. Cả một di sản văn hóa của dân tộc Tây Tạng bị tận diệt một cách công khai và có hệ thống bởi những đoàn Vệ Binh Đỏ. Các Đền Đài Tu Viện bị phá trụi tới tận nền, các tranh tượng tôn giáo bị hủy hoại. Hàng chục ngàn người Tây Tạng bị kết tội "phản động" vì không chịu lên án Đức Đạt Lai Lạt Ma và từ bỏ đức tin của họ.

Hai mươi sáu năm sau, tháng 10 năm 1987, không còn kiên nhẫn hơn được nữa, dân Tây Tạng lại vùng dậy và cũng lại bị quân chiếm đóng Trung Cộng đàn áp tàn bạo. Đã có khoảng 1.2 triệu người Tây Tạng bị giết do hậu quả Trung Cộng cưỡng chiếm đất nước Tây Tạng, một con số thật khủng khiếp nếu so với tổng số dân Tây Tạng chưa tới 4 triệu. Để phối hợp với các cuộc đấu tranh ở trong nước, Đức Đạt Lai Lạt Ma đã rời Dharmasala du hành nhiều quốc gia trên thế giới để nói lên nguyện vọng được sống trong độc lập và tự do của nhân dân Tây Tạng. Đức Đạt Lai Lạt Ma không chỉ là vị lãnh đạo tinh thần của dân Tây Tạng, ông còn là tiếng nói của từ tâm đấu tranh cho nhân quyền và bảo vệ môi sinh cho toàn hành tinh này.

Cách đây ba năm trong một chuyến viếng thăm Úc Châu, dưới áp lực hăm dọa của Trung Cộng, Úc đã phải nhượng bộ, chỉ có Ngoại Trưởng Úc tiếp Đức Đạt Lai Lạt Ma một cách không chính thức. Nhân chuyến viếng thăm đó, khi được hỏi về con sông Mekong phát nguồn từ Tây Tạng mà có nhà báo Tây Phương đã ví von là

“con sông Danube của Á Châu”, và kế hoạch khai thác của Trung Quốc thì Đức Đạt Lai Lạt Ma đáp vì phúc lợi của mọi người, nhân dân Tây Tạng sẽ gìn giữ sự tinh khiết của những dòng sông.

Lưu vực sông Mekong chỉ trong vòng hơn hai thập niên gần đây thôi đã có tới ba giải Nobel nhằm mưu cầu hòa bình cho khu vực.

- Lê đức Thọ và Kissinger (1973) được chọn do công lao đem lại hòa bình cho Việt Nam, thực ra là cho nước Mỹ để họ được yên ổn rút quân để rồi “Après moi, Le Deluge” chưa đầy hai năm sau Bắc Việt xua quân thô bạo cưỡng chiếm toàn miền Nam.
- Giải thứ hai dành cho Đức Đạt Lai Lạt Ma (1989) do kiên trì đấu tranh bất bạo động cho sự sống còn của quốc gia Tây Tạng đang bị thống trị bởi Trung Hoa và niềm hy vọng chỉ là chút ánh sáng le lói ngày càng xa hơn nơi cuối đường hầm.
- Và giải thứ ba dành cho người phụ nữ mảnh mai Aung San Suu Kyi (1991) cũng đang bèn bỉ tranh đấu cho nền dân chủ đất nước Miến Điện với vũ khí là thời gian cho tới khi các ông Tướng quân phiệt bị vô hiệu vì lão hóa.

Rõ ràng những “Cành Olive từ Oslo” chỉ để bày tỏ niềm ước mơ hòa bình nhưng đã không làm chùn được các tay súng và cũng chẳng thể biến được những con diều hâu thành bồ câu.

Tuy chưa từng gặp mặt nhưng là người mà bấy lâu Cao ngưỡng mộ, anh có ý định tìm cách tiếp xúc với Đức Đạt Lai Lạt Ma, mời ông là thành viên danh dự của Nhóm Bạn Cửu Long do mối quan tâm của ông trong nỗ lực bảo vệ hệ sinh thái của con sông Mekong. Trong buổi lễ trao Giải Thưởng Nhân Quyền 1998 tại Đại Học Georgetown, Đức Đạt Lai Lạt Ma tỏ ý ao ước được viếng thăm Việt Nam năm 2000. Chấp nhận hay không cuộc viếng thăm ấy là một thử thách can đảm đối với nhà cầm quyền Hà Nội. Đó cũng là thước đo mức tự chủ của Việt Nam đối với Trung Hoa. Đức Đạt Lai Lạt Ma còn đề nghị các học giả Việt Nam cung cấp cho các Nhà Sử Học Tây Tạng những sử liệu liên quan tới quan hệ giữa Việt Nam với Trung Hoa.

Bằng trực giác rất nghề nghiệp ông Khắc hiểu rằng Đức Đạt Lai Lạt Ma muốn nhân dân Tây Tạng tìm đến bài học Việt Nam, làm thế nào Dân Tộc Việt vẫn lấy lại được nền tự chủ sau cả ngàn năm đã bị Trung Hoa quyết tâm đồng hóa và đô hộ. Đó như một sứ điệp hy vọng của những người dân Tây Tạng đang bị áp bức. Nhưng ông Khắc đã thấy ngay một khác biệt sâu xa: Trong hơn một ngàn năm ấy Trung Hoa chưa có nạn nhân mất đất chặt người đồng, Việt Nam vẫn là xứ xa xôi còn bị coi là man di không phải đối đầu với chính sách tàn thực “di dân Hán hóa” như thảm trạng ngày nay của Tây Tạng. Dân Tây Tạng đang mau chóng trở thành thiểu số trong biển người Trung Hoa ngay trên chính quê hương mình. Ông Khắc nói:

- Không phải Khổng Tử mà là Karl Marx viết: “*Một dân tộc tìm cách nô lệ các dân tộc khác là tự rèn lấy xiềng xích cho chính mình*” và Trung Hoa thì đang nô lệ hóa dân tộc Tây Tạng.

Không nhắc gì tới vụ thảm sát Thiên An Môn, ông Khắc tiếp giọng đượm vẻ hài hước:

- Nói một cách khác một dân tộc có tự do thì không thể xích hóa các dân tộc khác. Đây là phần luôn luôn đúng của chủ nghĩa Mác ngay cả khi nhân loại bước vào thiên niên kỷ thứ Ba.

Chỉ nhận mình là một Nhà Sư giản dị, không bao giờ tự huyền thoại hóa mình là Phật Sống, chỉ nguyên điều ấy đã khiến Cao càng thêm ngưỡng mộ ông hơn. Bất cứ ở đâu, bất cứ lúc nào, Tenzin Gyatso vẫn luôn luôn là một con người thông minh, nhu hòa không định kiến, vượt lên trên mọi khen chê. Ông là một con người giàu lòng từ bi, hơn thế nữa là con người của tự do. Với tinh thần bất bạo động linh hoạt (active non-violence) ông luôn luôn cố gắng tái tạo mối liên hệ tin cậy và hòa bình với phía thù nghịch cho dù Bắc Kinh không từ một thủ đoạn nào để gây tai tiếng và bôi nhọ ông. Kể cả cuộc tổng nổi dậy đòi độc lập của dân Tây Tạng cũng bị gán ghép cho như mưu đồ thất bại của CIA nhằm chống lại Trung Quốc. Sự kiện sau khi vị Ban Thiền Lạt Ma hay Phó Hoạt Phật viên tịch, Bắc Kinh đã chọn ngay người thay thế đồng thời bắt giữ Gedhun Choekyi Nyima một cậu bé được Đức Đạt Lai Lạt Ma tuyển chọn đúng theo đức tin của người dân Tây Tạng. Gedhun Choekyi Nyima mới được tròn 9 tuổi, đối với thế giới thì đây là “tù nhân chánh trị trẻ nhất” của nhà cầm quyền Bắc Kinh.

Cho dù ngày nay thì Trung Cộng đang cho xây dựng lại một số chùa chiền ở Tây Tạng bề ngoài như một “sửa sai sau Cách Mạng Văn Hóa” nhưng là để thu hút thêm du khách, cùng một lúc họ cho gài công an chìm vào khắp các Tu Viện, đi xa hơn nữa Bắc Kinh còn cấm người trẻ đi tu và đồng thời cưỡng bách các vị sư già ngoài 60 tuổi phải về hưu trong khi vẫn không ngừng rêu rao “Tự do tôn giáo là điều được ghi trong hiến pháp”. Nhân chuyến viếng thăm Tây Tạng “như một khách du lịch” ông Khắc đã tìm đến một ngôi chùa nhỏ bên ngoài Thủ Đô Lhasa. Ông Khắc hiểu rằng nếu chỉ theo đoàn du khách với cô hướng dẫn người Trung

Hoa thì mọi sự đều rất êm thấm, cũng như một số khách Tây Phương kể cả chánh trị gia lão thành Edward Heath cựu Thủ Tướng Anh, được Bắc Kinh tổ chức cho đi thăm Tây Tạng, khi trở về nói mọi chuyện ở đó đều tốt đẹp. Họ nói thật qua những điều dàn dựng và được phép cho thấy. Và bao giờ cũng vậy, những điều cho thấy ấy là một sự dối trá trắng trợn. Ông Khắc trong suốt cuộc đời làm báo đã có quá nhiều kinh nghiệm về "những sự thực dối trá ấy" khi ông đặt chân tới đất nước Tây Tạng.

Ông được tiếp trong một nhà khách, cung kính đứng sau vị sư già là một chú tiểu mà ông biết là "quốc doanh" đứng hầu. Ông Khắc được mời ăn một thứ bánh là bằng lúa mạch giống như bánh xé và được cho uống chung trà nóng pha muối và bơ Dri hương vị lạ nhưng rất ngon. Sau đó thì vị sư già Tây Tạng 78 tuổi kiêu từ đi ra ngoài khu vườn. Hẹn ông Khắc mà là như một gặp gỡ tình cờ khi biết không còn bị công an theo dõi, Nhà Sư đã thổ lộ:

- Như ông nhà bác biết đấy "tôi già không có về hưu", tôi sẽ còn ở trong Tu Viện nào cho tới chế độ rồi tất xá thân vô thường được "thiên táng" đem chặt ra từng khúc làm thức ăn cho bầy kê. Chứ bây giờ còn sống thêm ngày nào tôi chỉ có một ước nguyện sửa sang lại chùa chiền, dạy cho giới trẻ biết thế nào là tín ngưỡng văn hóa của dân tộc Tây Tạng và biết Đức Đạt Lai Lạt Ma của họ là ai đang làm gì ở đâu.

Vị sư già quay gót trở vào khi có bóng dáng vẫn chú tiểu hầu ấy thấp thoáng đi ra. Trên cao vẫn là bầu trời xanh với một chút nắng ấm. Chỉ bằng đôi mắt chim có ai mà thấy được là tấn thảm kịch Tây Tạng vẫn cứ đang âm thầm diễn ra trên vùng Đất Tuyết này.

Bây giờ là buổi trưa bên ngoài Kinh Đô Lhasa, là 8 giờ tối bên California. Ở một nơi gần đỉnh trời này không hiểu sao ông Khắc lại nhớ tới Cao tới những người bạn trẻ mà ông biết chắc rằng mai một đây khi trở về bên đó ông sẽ bị họ "tấn công" bằng vô số những câu hỏi liên quan tới chuyến đi Tây Tạng của ông. Đã bước qua tuổi "cổ lai hy" mà xem ra ông Khắc chưa có dấu hiệu nhường bước cho lớp người đi tới ấy. Cho dù đang có những mối lo âu về sự tồn vong của quê hương nhưng Đức Đạt Lai Lạt Ma cũng rất quan tâm tới những vấn đề chung của nhân loại trên hành tinh này. Ông đã đề cập tới vấn đề môi sinh với một tầm nhìn xa và trong mối tương quan rộng lớn:

"Hòa bình và sự sống trên trái đất đang bị đe dọa bởi những hoạt động của con người thiếu quan tâm tới những giá trị nhân bản. Hủy hoại thiên nhiên và các nguồn tài nguyên thiên nhiên là do hậu quả của lòng tham lam và thiếu tôn kính đối với sự sống trên hành tinh này... Chúng ta dễ dàng tha thứ cho những gì đã xảy ra trong quá khứ do bởi u minh. Nhưng ngày nay do hiểu biết hơn, chúng ta phải duyệt xét lại theo tiêu chuẩn đạo đức phần gia tài nào mà chúng ta thừa hưởng, phần nào chúng ta có trách nhiệm sẽ truyền lại cho thế hệ mai sau. Giống như khi vun xới mối tương quan dịu dàng và hòa bình với đồng loại, chúng ta cũng sẽ hành xử tương tự đối với môi trường thiên nhiên. Chúng ta nên quan tâm tới môi sinh như một toàn thể. Quyết định cứu lấy môi trường phải phát xuất từ trái tim căn cứ trên tình thương, mối quan tâm và sự minh triết."

Đức Đạt Lai Lạt Ma năm nay 64 tuổi rồi, vẫn sống lưu vong xa đất nước Tây Tạng. Diễn tiến tình hình trong nước thay đổi từng ngày, một thế hệ trẻ sinh ra và lớn lên bị tuyên truyền và tẩy não một cách tinh vi đang dần dà bị sói mòn cả đức tin.

Tình hình bên ngoài cũng không phải là lạc quan. Sau ngót 40 năm, những người Tây Tạng lưu vong vẫn chưa có khả năng tự túc về kinh tế. Trong khi quân đội chủ nhà Ấn Độ cũng đã mỗi một trong công việc bảo vệ khu tự trị và chánh phủ Ấn thì luôn luôn phải đối đầu với sự căng thẳng ngoại giao với Bắc Kinh. Tuy nhiên, cũng sau 40 năm sống bên ngoài đất nước Tây Tạng, một lớp người trẻ đã lớn lên, được hấp thu nền văn hóa Tây Phương, họ có trình độ và hướng về tương lai đất nước Tây Tạng với những ý tưởng mới. Chính lớp thanh niên có học này đã tổ chức những chuyến du hành của Đức Đạt Lai Lạt Ma qua Âu Châu, Úc và Mỹ Châu và đã đạt được những thành quả ngoại giao ngoạn mục.

Với Hoa Kỳ, không phải chỉ có chánh phủ mà cả giới làm phim Hollywood cũng đã sản xuất những tác phẩm điện ảnh giá trị hậu thuẫn cho công cuộc tranh đấu của dân Tây Tạng. Kundun phim của nhà đạo diễn lừng danh Martin Sorsese về tuổi thiếu thời của Đức Đạt Lai Lạt Ma đã gây xúc động cho người xem và dĩ nhiên cả phần nợ cho nhà cầm quyền Bắc Kinh. Chánh phủ Mỹ từ những năm 1990, đã lập Phân Bộ Tỵ Nạn giúp định cư những người dân Tây Tạng bị đàn áp.

Trong nỗ lực phục đạo và phục quốc không phải luôn luôn có sự thống nhất giữa các Cộng Đồng Tây Tạng lưu vong. Điển hình là các vụ bạo động do nhóm trẻ có tên là Ủy Hội Thanh Niên gây ra. Họ theo một khuynh hướng cứng rắn tranh đấu cho một đất nước Tây Tạng hoàn toàn độc lập tách biệt với Trung Hoa vì theo họ trong suốt mấy ngàn năm lịch sử cho tới khi Hồng Quân cưỡng chiếm Tây Tạng, đất nước họ chưa bao giờ thuộc Trung Hoa và “không ai có quyền thay đổi lịch sử”. Không chỉ bằng lời nói họ cực đoan cả trong hành động: Ngay trong khu tự trị Dhamarsala, họ đã đột nhập vào Tư Dinh của Đức Đạt Lai Lạt Ma giết chết mấy cộng sự viên của ông với tội danh gán cho là đã nhượng bộ Trung Hoa. Bom cũng đã nổ ở Lhasa khi Tổng Thống Mỹ Clinton viếng Trung Hoa và Đài “Tây Tạng Tự Do” đã lên tiếng nhận trách nhiệm và ra tuyên cáo tiếp tục chiến tranh du kích cho tới khi Trung Cộng rút hết quân.

Ngoài hiệu quả gây tiếng vang, cứ sau mỗi vụ phá hoại của quân kháng chiến, dân Tây Tạng lại bị trả đũa bằng các đợt khủng bố và biện pháp an ninh bị siết chặt hơn. Vượt lên trên những mối bất hòa ấy thì chỉ còn Đức Đạt Lai Lạt Ma là mối giương của hòa giải và đoàn kết của toàn thể nhân dân Tây Tạng. Do hiểu rõ tình thế lưỡng nan của xứ sở, Tenzin Gyatso đã phải hết sức cứng rắn ép buộc những người xung quanh chấp nhận đàm phán, ông tỏ ra rất thực tiễn: “phải tồn tại cái đã”, do đó thay vì lên tiếng đòi độc lập ông đã tự hạ mình chỉ yêu cầu nền tự trị cho Tây Tạng không tách khỏi nước Trung Hoa.

Trung Hoa thì vẫn cứ tiếp tục xâm lấn và không ngưng tìm mọi cách triệt hạ uy tín của Đức Đạt Lai Lạt Ma, gọi ông là “kẻ thù của nhân dân”, “con chó sói trong áo cà sa” cả gieo tin đồn là Đức Đạt Lai Lạt Ma đang lưu vong đã hủ hóa “cả ăn nằm với bà Indira Gandhi”. Ai cũng biết yếu tố thời gian sẽ chỉ có lợi cho Bắc Kinh. Đức Đạt Lai Lạt Ma liệu còn sống thêm được bao lâu, đây là mối ưu tư hàng ngày của mỗi người dân Tây Tạng. Khi được các nhà báo vấn an, ông nói sức khỏe còn rất tốt có thể sống tới 100 tuổi, chắc cũng chỉ là một cách nói để trấn an mọi người. Một mai khi Đức Đạt Lai Lạt Ma viên tịch không người lãnh đạo thay thế, đất nước Tây Tạng sẽ lạng lế trôi vào trật tự nước Trung Hoa-Pax Sinica.

Một vấn đề cốt lõi nữa là trước trào lưu tiến hóa của toàn thế giới, hơn ai hết chính Đức Đạt Lai Lạt Ma không thể không có những suy tư về triết lý của chế độ thần quyền-theocracy, trong bối cảnh của một đất nước Tây Tạng bước vào Thế Kỷ 21. Ông đã viết:

“Xứ Tây Tạng không phải là nơi hoàn thiện nhưng phải nói rằng cách sống của chúng tôi có nhiều điều đáng chú ý. Chắc chắn có nhiều thứ đáng giữ lại thì ngày nay chúng tôi đã mất đi vĩnh viễn”.

Những điều đang bị mất đi đó là sắc thái chủng tộc, tôn giáo, ngôn ngữ của người dân Tây Tạng bị hy sinh cho chiêu bài giải phóng và canh tân. Còn về phần không hoàn thiện là cấu trúc xã hội dựa trên thần quyền độc tôn tuy trong quá khứ đã từng là nền tảng sức mạnh đức tin nhưng cũng là phần nghịch lý khi xây dựng một đất nước Tây Tạng dân chủ. Chính Đức Đạt Lai Lạt Ma và giới trẻ Tây Tạng ở hải ngoại hiểu rõ điều đó và đang suy tư hình thành một thể chế chánh trị sao cho phù hợp với khung cảnh một đất nước Tây Tạng độc lập vẫn giữ vững được đức tin và vẫn linh hoạt hướng về tương lai.

Rất sớm từ những năm 60, chính Đức Đạt Lai Lạt Ma ngay khi lập chính phủ lưu vong đã cho cải tổ nền hành chánh và dân chủ hóa toàn diện. Ông cho lập Hội Đồng Dân Cử Tây Tạng, khuyến khích quyền phát biểu của mỗi người dân và từng bước mạnh bạo chuyển từ “thần quyền” sang “dân chủ” cho quốc hội quyền truyệt phế Đức Đạt Lai Lạt Ma nếu 2/3 biểu quyết đồng ý với lý lẽ thuyết phục cho rằng lý thuyết dân chủ rất gần với triết lý Phật giáo. Ý kiến quá táo bạo đó khiến đa số người dân Tây Tạng phải sửng sốt nhưng Tenzin Gyatso vẫn cứng rắn bảo vệ quan điểm đó. Trong hoàn cảnh nào ông cũng đối đầu với khó khăn “trong sự an lạc và quyết tâm.”

Trong chuyến viếng thăm Hoa Thịnh Đốn mới đây, Đức Đạt Lai Lạt Ma đã phát biểu:

“Một phần thưởng quý giá cho tôi là được sống ở một đất nước dân chủ và được học hỏi về thế giới bằng cách mà người Tây Tạng chúng tôi chưa từng biết đến”.

Là một bậc đại trí có tầm nhìn xa, trong mấy chục năm lưu vong ông đã và đang hướng tới sự hình thành tập quán sinh hoạt dân chủ cho các Cộng Đồng Tây Tạng Hải Ngoại. Đó sẽ là những ngọn đuốc sáng chuẩn bị cho bước canh tân một đất nước Tây Tạng độc lập trong tương lai.

Lại nói tới dân chủ và quyền đầu phiếu. Cách đây 20 năm Đức Đạt Lai Lạt Ma đã từng thách đố một cuộc trưng cầu dân ý cho người Tây Tạng cơ hội lựa chọn thì ngày nay do chánh sách “tằm ăn dâu” và “Hán hóa-Sinicization” với hàng triệu người gốc Hán liên tục đổ vào Tây Tạng lập nghiệp và định cư vĩnh viễn, như ngay

tại Thủ Đô Lhasa đã có hơn 50% người gốc Hoa, nếu chấp nhận một cuộc đầu phiếu như vậy khi nhân dân Tây Tạng chỉ còn là thiểu số sẽ là một thảm họa tự sát.

Là Kỹ Sư Môi Sinh, Cao hiểu rất rõ rằng xa hơn cả tham vọng bành trướng, Trung Hoa bằng mọi giá phải chiếm cho được Tây Tạng không chỉ vì nhu cầu phát triển mà còn vì giá trị chiến lược môi sinh. Bởi vì nguồn nước từ "cao nguyên xứ tuyết" ấy trực tiếp ảnh hưởng trên 40% cư dân của địa cầu, cộng thêm với tiềm năng thủy điện lên tới 1/4 triệu MW gấp 40 lần công suất con đập khổng lồ Hoover của Mỹ, gấp 10 lần con đập Tam Giáp-Three Gorges lớn nhất thế giới của Trung Hoa.

Tây Tạng không chỉ là đáp số cho tình trạng thiếu nước và cạn nguồn năng lượng không thể tránh của Hoa Lục khi bước vào thiên niên kỷ mới, hơn thế nữa "sau Tây Tạng" sẽ là bước "Tây Tạng hóa Biển Đông", Trung Hoa nghiêm nhiên sẽ ở thế thượng phong với "thứ vũ khí môi sinh" ngàn lần khốc hại hơn súng đạn, giúp Bắc Kinh có toàn quyền định đoạt vận mệnh và cả sự sống còn của các nước Đông Nam Á trong những năm đầu của Thế Kỷ 21.

Với một Trung Hoa ngày càng hùng mạnh và cả hung hãn thì triển vọng một nước Tây Tạng độc lập chỉ còn là chút ánh sáng le lói đang tắt dần nơi cuối đường hầm, Đức Đạt Lai Lạt Ma biết rất rõ điều đó nhưng bề ngoài ông vẫn cố giữ vẻ lạc quan và nói với các phóng viên rằng:

"Tôi thấy thế giới vẫn có nhiều điều tốt lành mặc dù tấn bi kịch Tây Tạng còn đang tiếp diễn",

Ông cũng nói tiếp là sau khi đạt được giải pháp tự trị chứ không phải là độc lập cho Tây Tạng ông sẽ "tìm về ẩn tu như một con vật bị thương".

Nhưng đó vẫn chỉ thuần là nỗi ước mơ bởi vì trong bài kệ mà ông tụng niệm mỗi ngày thì: "Khi còn thế giới, khi còn chúng sinh, tôi nguyện đời mình, giúp đời bớt khổ". Và ông sẽ vẫn còn trong vòng luân hồi, còn phải cùng chúng sinh leo mãi trên dốc nhân sinh cho tới hết đời mình và để rồi lại hóa thân giúp đời bớt khổ cho đến những đời sau.